TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN Ô MÔN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 72/2018/HSST
Ngày: 01/11/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa : Ông Bùi Thanh Quốc

Các Hội thẩm Nhân dân quận Ô Môn:

Ông Trần Sĩ Trung

Bà Lê Thị Tân An

Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Xuân - cán bộ Tòa án Nhân dân quận Ô Môn.

Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân quận Ô Môn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Bảo Trân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 01 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án Nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 63/2018/HSST ngày 28 tháng 9 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2018/QĐXXST – HS ngày 26 tháng 10 năm 2018 đối với bị cáo:

Trương Văn D, sinh năm 1967. Nơi sinh: thành phố Tuy H, tỉnh Phú Y.

Tên gọi khác: Trương Văn C, sinh năm 1965. Tên gọi khác: Trắng.

Nơi đăng ký thường trú: Khu vực Tân X, phường Trường L, quận Ô M, thành phố C Th.

Nghề nghiệp: Thợ sơn; Trình độ văn hóa: 05/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Cha: Trương Th (chết) và mẹ: Nguyễn Thị Tr (chết); Anh em: có 07 người; Vợ: La Thị Đ (chết). Bị cáo có 02 người con lớn nhất sinh năm 1991, nhỏ nhất sinh năm 1993.

Tiền sự: Không

Tiền án: Không

Bị cáo bị bắt ngày 26/02/2018, đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ công an quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1963

Trú tại: Khu vực Tân X, phường Trường L, quận Ô M, thành phố C Th.

Địa chỉ liên lạc: Trại giam kênh 5, thành phố V Th, tỉnh H G (có mặt).

2/Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1965.

Trú tại: Khu vực Tân X, phường Trường L, quận Ô M, thành phố C Th.

Địa chỉ liên lạc: Phân trại số 2 Trại Giam Long H, xã Lương H, huyện Bến L, tỉnh L A (có mặt).

3/ Anh Phan Minh H, sinh năm 1987.

Trú tại: Khu vực Bình L, phường Phước Th, quận Ô M, thành phố C Th (vắng mặt).

4/ Anh Trần Công L, sinh năm 1991

Trú tại: Khu vực Bình L, phường Phước Th, quận Ô M, thành phố C Th (vắng mặt).

5/ Anh Đào Văn T, sinh năm 1988.

Nơi cư trú: Khu vực Bình Kh, phường Phước Th, quận Ô M, thành phố C Th (vắng mặt).

NỘI DỤNG VỤ ÁN:

Theo các tại liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ 30 ngày 26 tháng 10 năm 2016 Hồ Minh Đ (Linh) điện thoại cho Nguyễn Văn Q để mua ma túy sử dụng, do không có ma túy trong người nên Qkêu Đạt lại nhà mình tại khu vực Tân X, phường Trường L, quận Ô M, thành phố C Th gặp Nguyễn Thị S (vợ Q) để mua ma túy. Nguyễn Văn Q mới điện thoại cho Nguyễn Thị S nói lấy ma túy bán cho Đạt và Qnói để 04 tép ma túy ở trong túi áo vải nền trắng bông vàng đốm đen treo ở vách tường bên phía phải nhà (hướng từ trước đi vào) để bán. Sau đó, Hồ Minh Đ và Nguyễn Văn Nh đến nhà và gặp Nguyễn Thị S mua một tép nhỏ, thì bị đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an quận Ô Môn bắt quả tang, thu giữ 01 gói nilon được hàn kín, bên trong có chứa chất bột màu trắng dạng rắn; 01 đoạn ống nhựa được hàn kín màu trắng, bên trong có chứa chất bột màu trắng dạng rắn; tiền Việt Nam 173.300đồng.

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Ô Môn ra lệnh bắt khẩn cấp và khám xét nơi ở đối với Nguyễn Văn Q tại khu vực Tân X, phường Trường L, quận Ô M, thành phố C Th, qua khám xét nơi ở Công an thu giữ: 01 gói nilon được hàn kín bên trong chứa chất bột trắng dạng rắn được gói trong giấy bạc; 03 gói nilon được hàn kín bên trong có chứa chất bột dạng rắn; 02 gói nilon được hàn kín bên trong có chứa chất bột màu trắng dạng rắn; 01 cái quần dài bằng vải

màu đen; 01 cái áo bằng vải có nền màu trắng có in hoa màu cam; 01 xe mô tô biển số 65E1 – 13690 nhãn hiệu Honda Wave S, màu đỏ - xám - đen; 01 giấy đăng ký xe mô tô mang tên Nguyễn Thị S; Tiền Việt Nam 220.000 đồng.

Tại kết luận giám định số 402/KL – PC54, ngày 01/11/2016 của phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Cần Thơ kết luận.

Gói 01: Chất bột (dạng cục) màu trắng trong 01 gói nilon (ký hiệu M1) gửi giám định, được nêm phong có chữ ký ghi tên Nguyễn Văn Nhí, có trọng lượng 0,0307 gram, có Heroin.

Gói 2: Chất bột (dạng cục) màu trắng trong 01 đoạn ống nhựa (ký hiệu M2) gửi giám định, được niêm phong có chữ ký ghi tên Hồ Minh Đạt, có trong lượng là 0,0214 gram, có Heroin.

Gói 3: Chất bột (dạng cục) màu trắng trong 01 gói nilon (ký hiệu M3) gửi giám định được niêm phong có chữ ký Nguyễn Văn Qvà Nguyễn Thị S có trọng lượng 0,0363 gram, có Heroin.

Gói 4: Chất bột (dạng cục) màu trắng trong 03 gói nilon (ký hiệu M4) gửi giám định, được niêm phong có chữ ký ghi tên Nguyễn Văn Qvà Nguyễn Thị S có trọng lượng 0,1510 gram, có Heroin.

Gói 5: Chất bột (dạng cục) màu trắng trong 20 gói nilon (ký hiệu M5) gửi giám định, được niêm phong có chữ ký ghi tên Nguyễn Văn Qvà Nguyễn Thị S có trọng lượng 1,2917 gram, có Heroin.

Heroin là chất ma túy nằm trong Danh mục I, STT 20. Nghị định 82 ngày 19/9/2013 của Chính phủ.

Quá trình điều tra chứng minh được Nguyễn Văn Qvà Nguyễn Thị S thừa nhận đã bán ma túy vào năm 2012 cho đến ngày 26/10/2016 thì bị bắt quả tang. Mỗi ngày Qvà S bán cho 04 đến 05 đối tượng nghiện ma túy, mỗi tép giá 220.000đồng, nếu người mua không đủ tiền mua thì Nguyễn Văn Q chia tép ma túy thành hai tép nhỏ để bán, mỗi tép 110.000đồng, khi Qkhông có nhà thì Nguyễn Thị S bán ma túy cho các đối tượng nghiện. Ngoài Nguyễn Văn Q và Nguyễn Thị S bán ma túy còn đưa ma túy cho Trương Văn D (Trắng) bán ma túy cho các đối tượng nghiện: Phan Minh H, Trần Công L, Đào Văn T. Mỗi tép heroin D bán thì Nguyễn Văn Q cho D 20.000đồng, tổng cộng Q trả tiền công cho D được khoảng 1.500.000đồng, còn số tiền 7.500.000đồng Qcho D mượn để chữa bệnh.

Để có ma túy (heroin) bán cho các đối tượng nghiện thì Nguyễn Văn Q mua heroin của đối tượng tên Bảo tại khu công nghiệp Hòa Phú, tỉnh Vĩnh L mỗi lần 20 – 25 tép heroin, với giá 150.000 đồng, rồi bán lại cho các đối tượng nghiện 220.000 đồng tép, thu lợi 70.000 đồng, Nguyễn Văn Q khai tổng số tiền thu lợi từ khi bán ma túy từ năm 2012 đến khi bị bắt khoảng 20.000.000đồng.

Đối với Trương Văn D (Trắng) đã bỏ trốn khỏi địa phương nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ ra Quyết định truy

nã đối với Trương Văn D, đến ngày 26 tháng 12 năm 2018 bắt được D để điều tra xử lý.

D thừa nhận Nguyễn Văn Qvà Nguyễn Thị S có đưa ma túy cho D bán cho các đối tượng nghiện để hưởng tiền công.

Quá trình điều tra, Phan Minh H khai nhận đã mua ma túy của D 04 đến 05 lần; Trần Công Lập mua ma túy của D khoảng 02 lần; Đào Văn T mua ma túy của D khoảng 10 lần.

Tại Bản án số 31/2017/HSST ngày 04/5/2017 của Tòa án Nhân dân quận Ô M, thành phố C Th tuyên xử Nguyễn Văn Q 09 năm tù giam.

Tại Bản án số 64/2017/HSPT ngày 14/7/2017 của Tòa án Nhân dân thành phố C Th tuyên xử Nguyễn Thị S 07 năm tù giam.

Còn xe mô tô D sử dụng làm phương tiện đi giao ma túy đã bán lại cho người khác không rõ họ tên và địa chỉ. 01 điện thoại di động D sử dụng trao đổi với Qvà các đối tượng nghiện ma túy đã bị hư nên D bỏ mất, cơ quan điều tra không thu hồi được.

Tại bản cáo trạng số: 40/CT-VKS-OM ngày 18 tháng 6 năm 2018 Viện kiểm sát Nhân dân quận Ô Môn đã truy tố Trương Văn D có hành vi phạm tội và lý lịch như trên, ra trước Tòa án Nhân dân quận Ô Môn để xét xử về tội "***Mua bán trái phép chất ma túy***" theo điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự 1999.

Tại phiên tòa: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng. Đồng thời, bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị S khai có đưa ma túy cho bị cáo D để bán cho các con nghiện như bị cáo trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân quận Ô Môn trình bày lời luận tội vẫn giữ quan điểm truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật đã nêu trong cáo trạng.

Đồng thời phân tích những tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

Điểm b Khoản 2 Điều 194, điểm p Khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 xử phạt bị cáo mức án từ 07 năm đến 08 năm tù.

Về vật chứng trong vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999. Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Trả lại cho bị cáo: 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 220627167 họ tên Trương Văn Cư sinh ngày 01/4/1965; nơi đăng ký thường trú: Khu phố Bà

Triệu, phường 7, thị xã Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên. 01 (một) giấy phép lái xe số L840319; họ và tên Trương Văn Cư, sinh năm 1965.

Kiến nghị Công an tỉnh Phú Y xem xét việc cấp giấy chứng minh Nhân dân cho bị cáo D có đúng không? nếu có sai xót thì thu hồi giấy chứng minh Nhân dân cấp cho bị cáo theo thẩm quyền.

Kiến nghị Sở Giao thông Vận tải tỉnh V L xem xét lại việc cấp giấy phép lái xe cho bị cáo có đúng không? Nếu có sai sót đề nghị chỉnh sửa hoặc thu hồi theo thẩm quyền.

Buộc bị cáo nộp số tiền thu lợi bất chính 1.500.000đồng.

Còn xe mô tô D sử dụng làm phương tiện đi giao ma túy đã bán lại cho người khác không rõ họ tên và địa chỉ. 01 điện thoại di động D sử dụng trao đổi với Qvà các đối tượng nghiện ma túy đã bị hư nên D bỏ mất, cơ quan điều tra không thu hồi được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tại liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng hình sự:

Các quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra, hành vi tố tụng của điều tra viên trong quá trình điều tra vụ án; quyết định tố tụng của Viện kiểm sát và hành vi tố tụng của Kiểm sát viên trong giai đoạn truy tố là đúng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2]. Về căn cứ buộc tội: Lời khai của bị cáo Trương Văn D tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và vật chứng thu giữ được.

Từ đó, có đủ cơ sở chứng minh bị cáo Trương Văn D cùng với Nguyễn Văn Q và Nguyễn Thị S bán ma túy vào năm 2012 cho đến ngày 26/10/2016 thì bị bắt quả tang. Mỗi ngày bán cho 04 đến 05 đối tượng nghiện ma túy, mỗi tép giá 220.000đồng, nếu người mua không đủ tiền mua thì Nguyễn Văn Q chia tép ma túy thành hai tép nhỏ để bán, mỗi tép 110.000đồng, khi Q không có nhà thì Nguyễn Thị S bán ma túy cho các đối tượng nghiện. Riêng bị cáo Trương Văn D (Trắng) được Q và S đưa ma túy bán cho các đối tượng nghiện: Phan Minh H, Trần Công L, Đào Văn T. Mỗi tép heroin D bán thì Nguyễn Văn Qcho D 20.000đồng, tổng cộng Q trả tiền công cho D được khoảng 1.500.000đồng.

Tại kết luận giám định số 402/Kl – PC54, ngày 01/11/2016 của phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Cần Thơ kết luận.

Gói 01: Chất bột (dạng cục) màu trắng trong 01 gói nilon (ký hiệu M1) gửi giám định, được niêm phong có chữ ký ghi tên Nguyễn Văn Nh, có trọng lượng

0,0307 gram, có Heroin. Gói 2: Chất bột (dạng cục) màu trắng trong 01 đoạn ống nhựa (ký hiệu M2) gửi giám định, được niêm phong có chữ ký ghi tên Hồ Minh Đạt, có trong lượng là 0,0214 gram, có Heroin. Gói 3: Chất bột (dạng cục) màu trắng trong 01 gói nilon (ký hiệu M3) gửi giám định được niêm phong có chữ ký Nguyễn Văn Q và Nguyễn Thị S có trọng lượng 0,0363 gram, có Heroin. Gói 4: Chất bột (dạng cục) màu trắng trong 03 gói nilon (ký hiệu M4) gửi giám định, được niêm phong có chữ ký ghi tên Nguyễn Văn Q và Nguyễn Thị S có trọng lượng 0,1510 gram, có Heroin. Gói 5: Chất bột (dạng cục) màu trắng trong 20 gói nilon (ký hiệu M5) gửi giám định, được niêm phong có chữ ký ghi tên Nguyễn Văn Qvà Nguyễn Thị S có trọng lượng 1,2917 gram, có Heroin. Heroin là chất ma túy nằm trong Danh mục I, STT 20. Nghị định 82 ngày 19/9/2013 của Chính phủ. Hành vi thực hiện của bị cáo D đã vi phạm quy định tại điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999. Bị cáo đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát Nhân dân quận Ô Môn truy tố bị cáo Trương Văn D theo tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ và đúng pháp luật và có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Bị cáo có sức khỏe, bị cáo đã đi làm để nuôi sống bản thân, tuy nhiên chỉ vì lòng tham, mà bị cáo đã thực hiện hành vi mua bán trái phép chất mua túy.

Xét thấy, Hành vi mua bán trái phép chất ma túy của bị cáo D đã vi phạm chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, hành vi của bị cáo làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh và trật tự công cộng. Nhà nước thống nhất quản lý chất ma tuý nhằm đảm bảo cho sự phát triển lành mạnh của xã hội. Đồng thời, Nhà nước cũng nghiêm cấm mọi tổ chức, cá nhân mua bán, vận chuyển, tàng trữ trái phép chất ma tuý.

Do đó, để có tác dụng giáo dục răn đe đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội nên Hội đồng xét xử thiết nghĩ cần phải xử mức hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo và cách ly bị cáo ra khỏi xã hội trong một thời gian nhất định để có thời gian học tập, cải tạo, trở thành công dân tốt.

[6]. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, khi lượng hình Hội đồng xét xử có xem xét đến các tình tiết này để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

[7]. Về xử lý vật chứng:

Đối với nhưng vật chứng thu giữ trong vụ án đã được xử lý trong vụ án bị cáo Nguyễn Văn Q và Nguyễn Thị S, đã có hiệu lực pháp luật.

Vật chứng thu giữ còn lại: 01 (Một) giấy chứng minh Nhân dân số 220627167 họ tên Trương Văn C sinh ngày 01/4/1965; nơi đăng ký thường trú: Khu phố B Tr, phường 7, thị xã Tuy H, tỉnh Phú Y. 01 (một) giấy phép lái xe số L840319; họ và tên Trương Văn C sinh năm 1965. Đây là tài sản của bị cáo không liên quan đến việc phạm tôi của bị cáo nên trả lại cho bị cáo là phù hợp.

Tuy nhiên trong quá trình điều tra, truy tố xét xử phát hiện khi bị cáo đi nghĩa vụ làm ở thủy điện Sông Hinh, bị cáo bị cắt hộ khẩu, khi về địa phương sinh sống bị cáo không nhập lại hộ khẩu của gia đình nên vào năm 2000 bị cáo lấy tên của anh ruột của bị cáo là ông Trương Văn C (tên trong hộ khẩu gia đình) để làm giấy chứng minh nhân dân số 220627167 tên Trương văn C, sinh ngày 01/4/1965, nơi đăng ký thường trú: Khu phố Bà Tr, phường 7, thị xã Tuy H, tỉnh Phú Y, và sử dụng cho đến nay. Cũng sử dụng hộ khẩu gia đình trên vào ngày 30 tháng 7 năm 2012 ông Trương Văn C anh ruột của bị cáo làm giấy chứng minh Nhân dân cũng tên Trương Văn C số 22139485 tên Trương Văn C, sinh ngày 01 tháng 4 năm 1965, nơi đăng ký thường trú tổ 4, khu phố bà Triệu, phường 7, thành phố Tuy H, tỉnh Phú Y, nên xác định chỉ có tên Trương Văn C trong hộ khẩu mà được cấp giấy chứng minh Nhân dân cho 02 người và hai số định danh khác nhau. Nay Hội đồng xét xử kiến nghị Công an tỉnh Phú Yên xem xét việc cấp giấy chứng minh Nhân dân cho bị cáo D (C) có đúng không? nếu có sai xót thì thu hồi giấy chứng minh Nhân dân cấp cho bị cáo theo thẩm quyền.

Đối với giấy phép lái xe hạng A1 số L840319 tên Trương Văn C sinh năm 1965. Nơi C trú: Phường 8, thị xã Vĩnh L, tỉnh V L cấp ngày 02 tháng 7 năm 2003, nơi cấp là Sở Giao thông Vận tải tỉnh Vĩnh L cấp, bị cáo khai sau khi làm giấy chứng minh tên anh ruột của bị cáo là ông Trương Văn C, sau đó bị cáo đến tỉnh Vĩnh L thi giấy phép lái xe do đó tên trong giấy phép lái xe hạn A1 bị cáo sử dụng như trên không phải tên thật của bị cáo. Hội Hồi xét xử kiến nghị sở Giao thông Vận tải tỉnh Vĩnh L xem xét lại việc cấp giấy phép lái xe cho bị cáo có đúng không? Nếu có sai sót đề nghị chỉnh sửa hoặc thu hồi theo thẩm quyền.

Buộc bị cáo nộp số tiền thu lợi bất chính 1.500.000đồng.

[8]. Đối với Nguyễn Văn Q và Nguyễn Thị S: Tại Bản án số 31/2017/HSST ngày 04/5/2017 của Tòa án Nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ tuyên xử Nguyễn Văn Q09 năm tù giam.

Tại Bản án số 64/2017/HSPT ngày 14/7/2017 của Tòa án Nhân dân thành phố Cần Thơ tuyên xử Nguyễn Thị S 07 năm tù giam.

[9]. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b Khoản 2 Điều 194 điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tuyên bố: Trương Văn D phạm tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*".

Xử phạt: Trương Văn D 07 (bảy) năm tù.

Thời gian chấp hành hình phạt tù của bị cáo tính từ ngày 26 tháng 02 năm 2018.

Vật chứng trong vụ án: Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999. Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Trả lại cho bị cáo 01 giấy chứng minh Nhân dân số 220627167 họ tên Trương Văn C, sinh ngày 01/4/1965, nơi đăng ký thường trú: Khu phố Bà tr, phường 7, thị xã Tuy H, tỉnh Phú Y.

Trả lại cho bị cáo 01 giấy phép lái xe số L840319, họ và tên Trương Văn C sinh năm 1965.

Kiến nghị Công an tỉnh Phú Y xem xét việc cấp giấy chứng minh Nhân dân số 220627167 họ tên Trương Văn C sinh ngày 01/4/1965, nơi đăng ký thường trú: Khu phố Bà triệu, phường 7, thị xã Tuy H, tỉnh Phú Y có đúng không? nếu có sai sót thì thu hồi giấy chứng minh Nhân dân cấp cho bị cáo theo thẩm quyền.

Kiến nghị Sở Giao thông Vận tải tỉnh Vĩnh L xem xét lại giấy phép lái xe hạng A1, số L840319, họ và tên Trương Văn C, sinh năm 1965, trú tại phường 8, thị xã Vĩnh L, tỉnh Vĩnh L cấp cho bị cáo có đúng không? nếu có sai sót thì giải quyết theo thẩm quyền.

Buộc bị cáo nộp số tiền thu lợi bất chính 1.500.000đồng.

Về án phí hình sự sơ thẩm:

Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Bị cáo phải nộp 200.000đồng.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đối với bị cáo, đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo và trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án Nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị Cỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Bùi Thanh Quốc

Nơi nhận:
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND Q. Ô Môn;
- VKSND TP. Cần Thơ;
- Sở Tư pháp TP.Cần Thơ;
- Công an quận Ô Môn;
- Công an tỉnh Phú Yên;
- Sở GTVT tỉnh Vĩnh Long;
- Chi cục THADS Q. Ô Môn;
- Bị cáo; Đương sự;
- Lưu hồ sơ.